

Số: 557/TB - ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 8 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc công bố điểm sàn nhận hồ sơ xét tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học năm 2020

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT - BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành đào tạo Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông báo số 319/TB - ĐHNT ngày 28/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020.

Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thông báo điểm sàn nhận hồ sơ xét tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy năm 2020, cụ thể như sau:

1. Ngành đào tạo, điểm sàn nhận hồ sơ

TT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm sàn tiếng Anh	Điểm sàn nhận hồ sơ theo các phương thức		
				Điểm XÉT TỐT NGHIỆP (Thang điểm 10)	Điểm Đánh giá năng lực (Thang điểm 1200)	Điểm học bạ lớp 12 (Thang điểm 30)
I	Chương trình tiên tiến – chất lượng cao					
1	7340101A	Quản trị kinh doanh (Chương trình song ngữ Anh-Việt)	6.0	7.0	650	26.0
2	7810201PHE	Quản trị khách sạn (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	6.0	7.0	650	26.0
3	7340301PHE	Kê toán (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	5.0	7.0	650	26.0
4	7480201PHE	Công nghệ thông tin (chương trình định hướng nghề nghiệp, đào tạo song ngữ Anh-Việt)	5.0	7.0	650	26.0
II	Chương trình đại trà					
5	7620304	Khai thác thủy sản		5.7	580	21.0
6	7620305	Quản lý thủy sản		5.7	580	21.0
7	7620301	Nuôi trồng thủy sản (3 chuyên ngành: Công nghệ Nuôi trồng thủy sản; Quản lý sức khỏe động vật thủy sản, Quản lý Nuôi trồng thủy sản)		5.7	580	21.0
8	7420201	Công nghệ sinh học		5.7	580	21.0
9	7520320	Kỹ thuật môi trường		5.7	580	21.0
10	7520103	Kỹ thuật cơ khí		5.9	600	22.0
11	7510202	Công nghệ chế tạo máy		5.7	580	21.0
12	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử		5.7	580	21.0

TT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm sàn tiếng Anh	Điểm sàn nhận hồ sơ theo các phương thức		
				Điểm XÉT TỐT NGHIỆP (Thang điểm 10)	Điểm Đánh giá năng lực (Thang điểm 1200)	Điểm học bạ lớp 12 (Thang điểm 30)
13	7520115	Kỹ thuật nhiệt (3 chuyên ngành: Kỹ thuật nhiệt lạnh; Máy lạnh, điều hòa không khí và thông gió; Máy lạnh và thiết bị nhiệt thực phẩm)		5.7	580	21.0
14	7520130	Kỹ thuật ô tô		6.1	620	23.0
15	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực		5.7	580	21.0
16	7520122	Kỹ thuật tàu thủy		5.7	580	21.0
17	7840106	Khoa học hàng hải		5.7	580	21.0
18	7540101	Công nghệ thực phẩm (2 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm)		5.9	600	22.0
19	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản (2 chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Công nghệ sau thu hoạch)		5.7	580	21.0
20	7520301	Kỹ thuật hoá học		5.7	580	21.0
21	7510301	Kỹ thuật điện, điện tử		5.7	580	21.0
22	7580201	Kỹ thuật xây dựng (2 chuyên ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông)		5.9	600	22.0
23	7480201	Công nghệ thông tin (2 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Truyền thông và Mạng máy tính)	4.0	6.1	620	23.0
24	7340405	Hệ thống thông tin quản lý		5.7	580	21.0
25	7810201	Quản trị khách sạn	5.0	7.0	650	26.0
26	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5.0	6.5	640	25.0
27	7810103P	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Chương trình song ngữ Pháp-Việt)		6.1	620	23.0
28	7340101	Quản trị kinh doanh	4.0	6.5	640	25.0
29	7340115	Marketing		6.3	640	25.0
30	7340121	Kinh doanh thương mại	4.0	6.3	640	25.0
31	7310101	Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế thủy sản)		6.1	620	23.0
32	7310105	Kinh tế phát triển		6.1	620	23.0
33	7340301	Kế toán (2 chuyên ngành: Kế toán; Kiểm toán)		6.5	640	25.0
34	7340201	Tài chính - ngân hàng		6.3	630	24.0
35	7380101	Luật (02 chuyên ngành: Luật, Luật kinh tế)		6.3	620	24.0
36	7220201	Ngôn ngữ Anh (4 chuyên ngành: Biên - phiên dịch; Tiếng Anh du lịch; Giảng dạy Tiếng Anh; Song ngữ Anh - Trung)	6.0	6.7	650	26.0

2. Chính sách ưu tiên

Bên cạnh việc cộng điểm ưu tiên đối tượng và ưu tiên khu vực theo quy chế tuyển sinh, Trường Đại học Nha Trang còn có các chính sách ưu tiên cụ thể sau:

a. Ưu tiên về ký túc xá

Miễn phí 100% ký túc xá cho thí sinh vào học 5 ngành đào tạo sau:

1. Công nghệ chế biến thủy sản,
2. Nuôi trồng thủy sản,
3. Khai thác thủy sản,
4. Quản lý thủy sản,
5. Khoa học hàng hải.

Đầu học kỳ, Nhà trường xem xét miễn giảm khi SV đáp ứng đủ các tiêu chí theo quy định.

b. Chính sách học bổng

- Nhà trường có học bổng cho thủ khoa đầu vào và học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

- Hỗ trợ học phí cho sinh viên bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 theo tiêu chí của trường.

- Ngoài ra, hàng năm, các khoa/viện có nguồn kinh phí tài trợ học bổng cho sinh viên từ các doanh nghiệp, cựu sinh viên, các tổ chức trong và ngoài nước.

3. Các mốc thời gian xét tuyển

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Tiếp nhận hồ sơ xét tuyển đợt 1	31/8 - 10/9
2	Công bố kết quả xét tuyển đợt 1	11/9
3	Tổ chức nhập học đợt 1	14/9 - 15/9
4	Tiếp nhận hồ sơ xét tuyển đợt 2	11/9 - 17/9
5	Công bố kết quả xét tuyển đợt 2	18/9
6	Tổ chức nhập học đợt 2	21/9 - 22/9
7	Tiếp nhận hồ sơ xét tuyển đợt 3 (nếu có)	18/9 - 24/9
8	Công bố kết quả xét tuyển đợt 3 (nếu có)	25/9
9	Tổ chức nhập học đợt 3 (nếu có)	28/9

4. Học phí và lộ trình tăng học phí tối đa

a. Chương trình đại trà

Học phí khoảng 4 – 5 triệu/1 học kỳ, tùy theo số tín chỉ SV đăng ký học.

b. Chương trình tiên tiến – chất lượng cao

Chương trình song ngữ Anh – Việt và định hướng nghề nghiệp (POHE) – gọi tắt là chương trình tiên tiến - chất lượng cao có học phí gấp 2 chương trình đại trà, khoảng 10 triệu/học kỳ.

5. Thông tin hướng dẫn

Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại Website: <https://xettuyen.ntu.edu.vn/Home>

Thông tin chi tiết tại:

- Website: www.tuyensinh.ntu.edu.vn
- Fanpage: <https://www.facebook.com/tuyensinhdhnt/>
- ĐT: 0258.383.1148; 0258.3831145

Nơi nhận:

- Các kênh thông tin;
- Lưu: VT, ĐTDH.

